

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78 /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày 12 tháng 02 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026;

Xét Văn bản ngày 05/11/2025 và Văn bản ngày 05/02/2026 của Hộ ông Nguyễn Trung Vương về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 187/TTr-SNNMT ngày 11/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ ông Nguyễn Trung Vương, địa chỉ tại Thôn Phương An 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Phương An 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Phương An 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Phương An 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CL 189136 tại thửa đất số 92, tờ bản đồ địa chính số 78. Đã được chuyển mục đích sử dụng đất thành đất nông nghiệp khác theo hồ sơ số CH 01236.CM.002 ngày 15/03/2021.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chăn nuôi lợn công nghiệp.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất là 13.241 m². Trong đó:

+ Các hạng mục công trình chính, diện tích 2.800 m², gồm 02 chuồng nuôi lợn thương phẩm;

+ Các hạng mục công trình phụ trợ, diện tích 3.040 m², trong đó: Khu sát trùng xe: 50 m²; Nhà kho chứa thức ăn và thuốc thú y 150 m²; Nhà sát trùng công nhân: 30 m²; Nhà nghỉ ngơi và ăn ở của công nhân: 150 m²; nhà tắm và vệ sinh công nhân 30 m²; Bể chứa nước: 30 m²; Đường dẫn heo: 200 m², Hệ thống thoát nước mưa: 400 m²; Sân bãi và đường nội bộ: 2.000 m²;

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường, diện tích 7.401 m², trong đó: Bể tiếp nhận: 12 m²; Nhà để máy ép phân và ủ phân: 18 m²; Hầm biogas: 750 m²; Hồ sau biogas: 270 m²; Bể gom: 02 m²; Cụm bể xử lý nước thải bằng vi sinh: 72 m²; Nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải: 23 m²; Hồ sinh học: 645 m²; Kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: 15 m²; Hồ huỷ xác lợn: 30 m²; Đất trồng, cây xanh: 5.564 m².

- Nhóm Dự án: C (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

- Công suất sản xuất: 2.400 lợn thịt/lứa x 02 lứa/năm.

- Quy trình công nghệ: Lợn con nhập từ Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam -> Quá trình nuôi -> Lợn thương phẩm đạt chuẩn -> Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam thu mua.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ ông Nguyễn Trung Vương sau khi được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ ông Nguyễn Trung Vương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /*nh*

Nơi nhận:

- Hộ ông Nguyễn Trung Vương;
- Chủ tịch, PCTTT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Sở NN&MT;
- UBND xã Cam Lộ;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Thu). /*nh*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp
tại thôn Phương An 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 78/GPMT-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn phát sinh số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân;
- Nguồn phát sinh số 02: Nước thải chăn nuôi từ chuồng lợn thịt 01;
- Nguồn phát sinh số 03: Nước thải chăn nuôi từ chuồng lợn thịt 02.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải,
vị trí xả nước thải: 01 dòng:**

2.1. Nguồn tiếp nhận:

- 01 dòng thải (gồm nguồn thải số 01, 02, 03): Nước thải từ nguồn phát sinh số 01 gồm nước thải đen sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn cùng với nước thải xám được dẫn về hệ thống xử lý chung của Trang trại. Nước thải từ nguồn phát sinh số 02, 03 tại các chuồng nuôi được dẫn về hệ thống xử lý chung, sau khi qua hệ thống xử lý chung, nước thải được thải ra khe nước phía Tây của Cơ sở, thuộc địa phận thôn Phương An 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Tại ống xả sau khi nước thải qua hồ sinh học đổ ra khe nước phía Tây Cơ sở, thuộc địa phận thôn Phương An 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị;

- Tọa độ xả thải: X=1.850.344,89 m; Y=574.051,85 m (Theo Hệ tọa độ VN2000. KTT 106°15'. múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

Lưu lượng xả thải lớn nhất: 39,04 m³/ngày đêm tương đương 1,63 m³/giờ.

Trong đó:

- Nguồn phát sinh số 01: Nước thải sinh hoạt 0,64 m³/ngày đêm;
- Nguồn phát sinh số 02, 03: Nước thải chăn nuôi của trang trại 38,4 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn theo chu kỳ bơm của phao tại bể khử trùng.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Nước thải sau xử lý của Trang trại đảm bảo đạt giới hạn cho phép theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B, $K_q=0,9$; $K_f=1,3$). Cụ thể như sau:

Bảng các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,9-9	01 lần/năm	Không áp dụng
2	TSS	mg/l	175,5		
3	COD	mg/l	351		
4	BOD ₅	mg/l	117		
5	Tổng N	mg/l	175,5		
6	Coliform	MPN/100ml	5000		

Ghi chú:

+ Cột B: các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ $K_q = 0,9$: nguồn tiếp nhận nước thải là khe suối không có số liệu về lưu lượng;

+ $K_f = 1,3$: lưu lượng thải < 50 m³/ngày đêm.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải đen (nước thải đi vệ sinh) được dẫn theo đường ống riêng biệt PVC xuống bể tự hoại 03 ngăn, thể tích bể 5 m³.

- Nước thải đen sau khi được xử lý bằng bể tự hoại kết hợp với nước thải xám được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trang trại bằng đường ống nhựa PVC Ø 34mm. Chiều dài đường ống thu gom khoảng 125 m.

b. Đối với nước thải sản xuất:

Nước thải chăn nuôi phát sinh từ chuồng lợn thịt 01 và chuồng lợn thịt 02, cộng với lượng nước thải sinh hoạt được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống nhựa PVC đường kính 220mm và đổ vào bể tiếp nhận. Nước thải từ bể tiếp nhận được tách phân sau đó đi vào hầm biogas. Nước thải sau khi qua hầm biogas theo cao trình tự chảy sang hồ chứa nước thải sau biogas và bể gom. Tại bể gom, nước thải được bơm cưỡng bức vào bể điều hoà bằng hệ thống phao tự động. Sau khi qua bể điều hoà, nước thải được bơm theo mẻ sang hệ thống xử lý sinh học A-SBR. Quá trình xử lý được diễn ra theo từng mẻ lặp đi lặp lại. Nước thải sau bể xử lý sinh học theo mẻ sẽ chảy qua bể khử trùng.

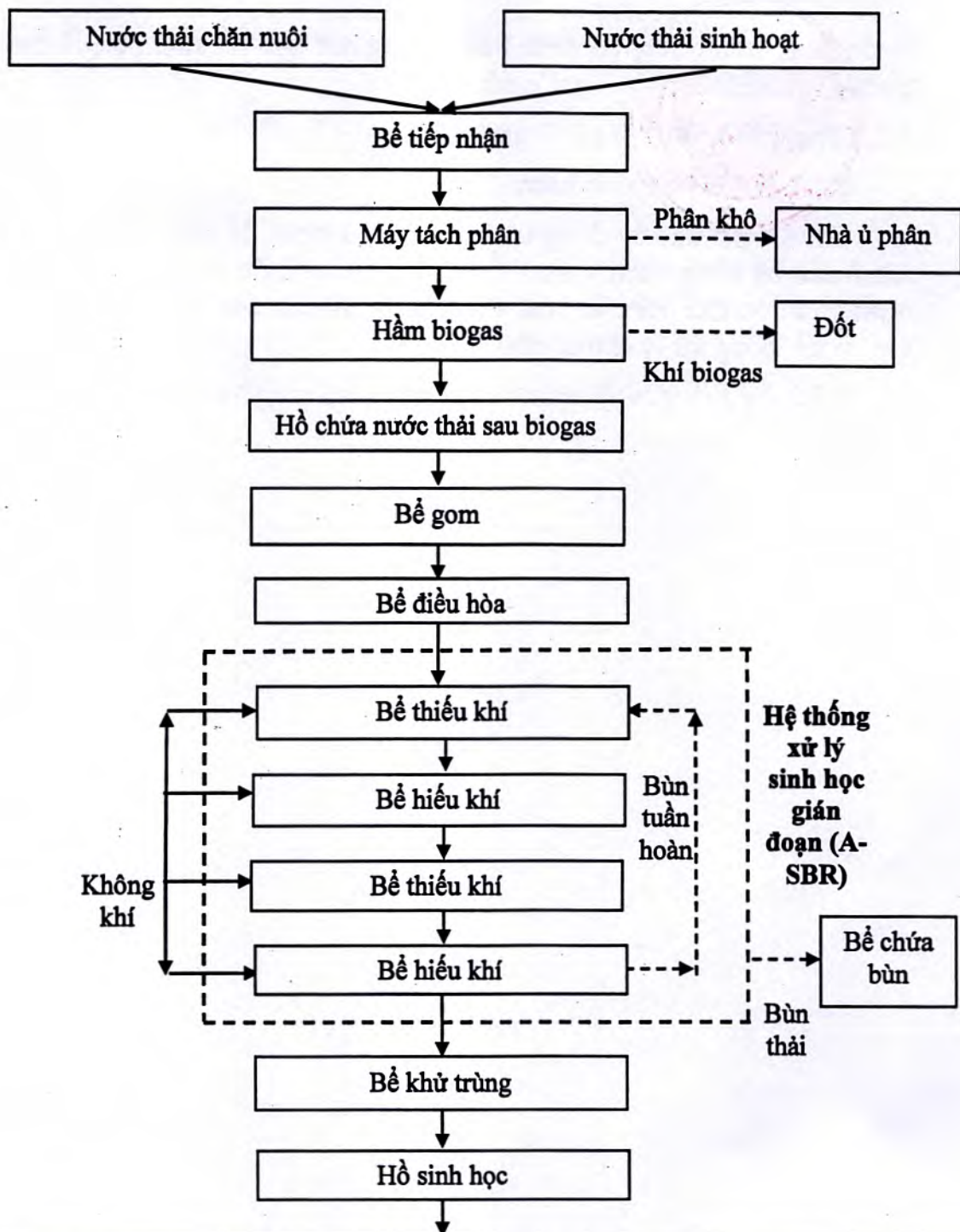
Nước thải sau đó tiếp tục được bơm cưỡng bức qua hồ sinh học và thoát ra môi trường là khe suối phía Tây Cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Chủ Cơ sở đã xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt của 8 cán bộ công nhân viên, thể tích bể 5 m^3 . Nước thải đen sau bể tự hoại 03 ngăn và nước thải xám từ hoạt động tắm, rửa của cán bộ công nhân viên được dẫn về hệ thống xử lý chung của Trang trại.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải chung của Trang trại:



Khe nước phía Tây trang trại
 (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, $kq=0,9$, $kf=1,3$)
 - QCKTQG về nước thải chăn nuôi

Sơ đồ tuyến thu gom, xử lý nước thải trang trại

- Kích thước các hạng mục:

+ Bể tiếp nhận: KT: $D \times R \times C = (4 \times 3 \times 3)$ m; Thành bể xây gạch dày 20cm; chống thấm phía trong.

+ Hầm biogas: KT: $D \times R \times C = (30 \times 25 \times 5)$ m; Bạt HDPE: đáy dày 0,8mm và mặt dày 1mm.

+ Hồ sau biogas: KT: $D \times R \times C = (18 \times 15 \times 3,5)$ m; Bạt HDPE: đáy dày 0,8mm.

- + Hồ ga: KT: D x R x C = (2 x 1 x 2,5) m; Bạt HDPE: đáy dày 0,8mm.
- + Bể điều hoà: KT: D x R x C = (3,8 x 3,2 x 2,5) m; BTCT M250 dày 20cm.
- + Bể thiếu khí 1: KT: D x R x C = (2,8 x 1,8 x 2,5) m; BTCT M250 dày 20cm.
- + Bể hiếu khí 1: KT: D x R x C = (4,2 x 2,8 x 2,5) m; BTCT M250 dày 20cm.
- + Bể thiếu khí 2: KT: D x R x C = (2,8 x 1,8 x 2,5) m; BTCT M250 dày 20cm.
- + Bể hiếu khí 2: KT: D x R x C = (4,2 x 2,8 x 2,5) m; BTCT M250 dày 20cm.
- + Bể khử trùng: KT: D x R x C = (6 x 0,75 x 1,5) m; BTCT M250 dày 20cm.
- + Hóa chất khử trùng: Chlorin 70% dạng bột, tuần pha 02 lần.
- + Hồ sinh học: KT: D x R x C = (30 x 21,5 x 1,5) m; Bạt HDPE: đáy dày 0,8mm.
- + Bể chứa bùn: KT: D x R x C = (3,2 x 1,8 x 2,5) m; BTCT M250 dày 20cm.
- + Thiết bị: Máy tách phân 01 cái;
- Quy trình vận hành:
- + Do chênh lệch độ cao nước thải sản xuất từ hệ thống chuồng nuôi theo đường ống PVC ϕ 220mm và nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở theo đường ống PVC ϕ 34mm tự chảy về bể tiếp nhận nước thải. Tại đây, phân được lắng xuống đáy bể, hàng ngày công nhân sẽ tiến hành hút và ép phân ra khỏi nước thải. Phần nước thải sau khi tách phân được dẫn vào hầm biogas.
- + Nước thải sau khi qua hầm biogas theo cao trình tự chảy sang hồ chứa nước thải sau biogas và bể gom. Tại bể gom, nước thải được bơm cưỡng bức vào bể điều hoà bằng hệ thống phao tự động. Tại bể điều hoà, nước thải được lưu trên 12 giờ và được sục khí liên tục.
- + Sau khi qua bể điều hoà, nước thải được bơm theo mề sang hệ thống xử lý sinh học A-SBR. Quá trình xử lý được diễn ra theo từng mẻ lặp đi lặp lại. Trong suốt thời gian xử lý sinh học của một mẻ lượng nước trong bể được cấp vào và tăng dần lên từ mức nước vận hành thấp nhất. Quá trình sục khí và khuấy trộn diễn ra liên tục, vi sinh vật hoạt động mạnh phân hủy các chất hữu cơ và tạo ra bông bùn sinh học. Sau đó ngừng cấp nước thải và cấp khí ở 2 ngăn cuối của bể xử lý để quá trình lắng bông bùn sinh học xuống đáy bể và thải bùn dư từ quá trình xử lý sinh học. Tiếp theo là lọc gạn nước trong ra ngoài bằng thiết bị rút nước cho đến khi mực nước trong bể giảm xuống tới mức thấp nhất thì quá trình rút nước dừng lại và chu kỳ kết thúc. Quá trình cấp nước cho chu kỳ tiếp theo được bắt đầu thực hiện, van cấp khí cho hai ngăn cuối lại được mở ra.

+ Nước thải sau bể xử lý sinh học theo mẻ sẽ chảy qua bể khử trùng bằng thiết bị rút nước, tại đây hóa chất khử trùng sẽ được bổ sung ở đầu bể vào nhằm tiêu diệt các vi sinh vật. Định kỳ hàng ngày, công nhân tiến hành kiểm tra và bổ sung hoá chất. Nước thải sau đó được bơm gián đoạn theo phao vào hồ sinh học, nước thải sau hồ sinh học theo cao trình tự chảy ra ngoài sau khi qua đồng hồ đo lưu lượng đầu ra.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Chủ cơ sở thiết kế và thi công hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, các vật liệu xây dựng được lựa chọn ở các đơn vị cung cấp có uy tín. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, công nhân thường xuyên kiểm tra, theo dõi và thông báo trong trường hợp có sự cố xảy ra để kịp thời sửa chữa, đảm bảo việc xử lý nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn, tránh trường hợp xả thẳng ra môi trường.

- Đối với hệ thống máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải như máy thổi khí, máy bơm,... bố trí máy dự phòng để thay thế dự phòng khi hư hỏng.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, Trang trại sẽ sử dụng hồ sau biogas có thể tích 549m^3 (thời gian lưu 14 ngày) và hồ sinh học có thể tích 1.507m^3 (thời gian lưu 38 ngày) để chứa nước thải ứng phó sự cố. Ngoài ra, hầm biogas có thể tích 2.540m^3 (thời gian lưu 65 ngày) và cụm xử lý sinh học 92m^3 (thời gian lưu 2,5 ngày) cũng có khả năng lưu giữ nước thải khi có các sự cố xảy ra. Vì vậy, khi sự cố xảy ra chủ cơ sở có đủ thời gian để tự khắc phục hoặc hợp đồng với các đơn vị có chuyên môn xử lý sớm để đảm bảo hoạt động chăn nuôi và đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Đối với Cơ sở sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.

- Thời gian vận hành thử nghiệm:

+ Thời gian bắt đầu: sau 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

+ Thời gian kết thúc: sau 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm;

- Sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ Cơ sở sẽ gửi thông báo kế hoạch chi tiết tới Sở Nông nghiệp và Môi trường được biết trước 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Trong đó, nêu rõ thời gian lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định.

- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

- Số lượng mẫu, tần suất lấy mẫu cụ thể như sau: Giai đoạn ổn định (03 ngày liên tục): 01 mẫu đầu vào (trước khi vào hầm biogas), 03 mẫu đầu ra (cống xả ra khe suối);

- Thông số quan trắc: vận tốc/lưu lượng thải, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N (tính theo N), Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B, Kf=1,3, Kq=0,9).

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: Đơn vị có năng lực đúng quy định; đáp ứng các tiêu chí lựa chọn nhà thầu của Chủ Cơ sở.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này. Có lộ trình nâng cấp, áp dụng QCVN 62:2025/BTNMT kể từ ngày 31/12/2031 theo Thông tư 04/2025/BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

**Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp
tại thôn Phương An 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *78* /GPMT-UBND ngày *12* tháng *02* năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI: không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

Cơ sở không có công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải mà chỉ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, hạn chế tác động của mùi hôi đến cán bộ công nhân viên và môi trường xung quanh như sau:

- Toàn bộ nước thải và phân được theo đường ống thu gom vào bể tiếp nhận. Từ đây, hỗn hợp nước thải và phân sẽ được đưa vào máy ép phân. Nước thải từ máy ép phân sẽ được thoát vào hố biogas còn lại là phân khô sẽ được ủ hoai tại nhà ủ phân trong 30 ngày sau đó bón cho cây trồng. Các ống thu gom này được lắp đặt bằng đường ống kín có đường kính 220mm để tránh bị ngấm phân và nước thải xuống môi trường đất và ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm.

- Lắp đặt tại mỗi chuồng chăn nuôi lợn 10 quạt hút, tám lọc bụi bản kết hợp với làm mát được bố trí 02 đầu hồi nhà nhằm tạo không khí thoáng mát cho chuồng nuôi, tổng cộng có $10 \times 2 = 20$ cái quạt.

Nguyên lý hoạt động của hệ thống như sau: một bên sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút và bên còn lại sẽ được lắp đặt các tấm tản nhiệt làm mát. Khi quạt hút hoạt động không khí trong chuồng được hút ra tạo sự chênh lệch áp suất giữa bên trong và bên ngoài chuồng, không khí bên ngoài sẽ đi qua tấm làm mát cooling pad (đã được tưới nước, nước bơm tưới liên tục lên màng lưới bằng giấy thông qua bộ van tự động cấp - xả), tại đây xảy ra sự trao đổi nhiệt độ giữa không khí và nước, giúp nhiệt độ không khí giảm đến 15°C so với nhiệt độ bên ngoài mang lại lượng gió tươi mát, giàu oxy và độ ẩm phù hợp cho sức khỏe vật nuôi.

- Sử dụng chế phẩm EM để khử mùi hôi trong chuồng trại, giảm thiểu sự phát triển của ruồi bọ, cải thiện sức khỏe và giảm stress cho vật nuôi, góp phần tăng năng suất và khả năng sinh sản. Có nhiều cách sử dụng chế phẩm EM trong chăn nuôi hiện nay như cho vào thức ăn, nước uống của vật nuôi; phun xịt xung quanh chuồng trại. Liều dùng khi trộn vào thức ăn khoảng 3 - 5ml EM/1 kg thức ăn hoặc pha trực tiếp vào nước là 1 - 3ml EM/1 lít nước, dùng mỗi ngày. Để khử mùi hôi, sẽ dùng 20 - 30ml EM hòa vào 8 lít nước phun trực tiếp vào chuồng trại. Những khu vực như hệ thống xử lý nước thải sẽ đổ trực tiếp 1 lít chế phẩm EM vào hầm chứa có thể tích 5 - 7 m³. Định kỳ 1 - 2 tháng bổ sung một lần. Tần

suất phun khoảng 5 ngày/lần. Một số loại chế phẩm EM đang dùng như: EM Pro-1 và EM Septic-1 có tác dụng khử mùi, ngăn ngừa phát triển vi khuẩn gây bệnh, đặc biệt là khử H_2S .

- Sử dụng nguồn thức ăn có trộn chế phẩm men vi sinh để tăng cường tiêu hóa, hạn chế mùi từ phân.

- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, không để phân và nước thải ứ đọng lâu ngày;

- Diện tích hành lang cây xanh của cơ sở đảm bảo 20% diện tích nhằm đảm bảo hành lang ngăn mùi của hệ thống.

- Sau các quạt hút của khu chuồng nuôi và khu vực ép, tách phân của trang trại được bố trí hệ thống lưới ngăn mùi kết hợp với hệ thống phun chế phẩm khử mùi. Lưới ngăn mùi sau quạt hút được thiết kế có chiều cao 2,5m, đảm bảo bao phủ được chiều cao của hệ thống quạt hút, đối với nhà ép phân hệ thống lưới được treo kín xung quanh để đảm bảo lưới có tác dụng giữ lại một phần bụi, hơi ẩm và các sol khí mang mùi phát sinh theo dòng khí thải từ chuồng nuôi và khu xử lý phân. Hệ thống phun chế phẩm khử mùi được lắp đặt phía sau quạt hút, hoạt động theo chế độ phun sương hạt nhỏ, tần suất phun 3-5 lần/ngày, sử dụng chế phẩm sinh học chuyên dụng có khả năng phân hủy và trung hòa các hợp chất gây mùi đặc trưng như NH_3 , H_2S và các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi. Theo tính toán và kinh nghiệm vận hành thực tế, hệ thống có thể góp phần giảm nồng độ mùi trong dòng khí thải khoảng 60–80% trước khi phát tán ra môi trường, qua đó hạn chế ảnh hưởng đến khu vực xung quanh trang trại và đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho cán bộ công nhân viên: 02 bộ/năm.

- Đối với khí gas từ hầm biogas: Trang trại có lắp đặt đường ống thu khí biogas và đốt. Cấu tạo của đường ống bằng ống nhựa PVC có van điều chỉnh lượng khí được xả. Khí được dẫn về lò đốt, tại đây đầu của các ống nhựa PVC được gia cố bằng ống kim loại nhằm đảm bảo cho quá trình cháy không ảnh hưởng đến đường ống nhựa. Lượng khí gas được xả nhỏ, liên tục nhằm để đốt lượng khí phát sinh tối đa và giữ an toàn cho hầm biogas.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định pháp luật.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Đầu tư các hạng mục bổ sung nếu quá trình vận hành các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải không đạt quy chuẩn như đã cam kết (nhất là các giải pháp giảm thiểu mùi hôi từ Trang trại).

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp
tại thôn Phương An 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG: Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn của phương tiện giao thông sẽ được áp dụng các biện pháp quản lý nội vi như sau:

+ Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ, phải có giấy đăng kiểm của cơ quan quản lý.

+ Không nổ máy trong quá trình bốc dỡ hàng hóa, bốc chuyển lợn.

- Đối với tiếng ồn do lợn kêu sẽ được áp dụng biện pháp sau: Trang trại áp dụng công nghệ chăn nuôi theo hướng công nghiệp sẽ tập cho mỗi con lợn có chung một đồng hồ sinh học, quá trình ăn, ngủ luôn đúng giờ làm cho lợn không ở trong tình trạng đói nên chúng sẽ không kêu đòi ăn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định của pháp luật.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Cơ sở.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT, 27:2016/BYT.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

**Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp
tại thôn Phương An 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Trang trại ước tính khoảng 5-7 kg/tháng và tùy theo khả năng phòng chống dịch bệnh. Thành phần: Bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, dầu nhớt thải, thuốc thú y hết hạn sử dụng, kim tiêm, lợn chết do dịch bệnh,...

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	1 kg/tháng
2	Bao bì cứng thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ, vỏ chai thuốc thú y)	14 01 06	10-12 kg/lứa nuôi
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn như kim tiêm,...) từ thú y	13 02 01	3-5 kg/tháng
4	Lợn dịch chết	14 02 01	Tùy theo khả năng phòng chống dịch bệnh

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

- Chất thải rắn sản xuất: bao bì thức ăn khoảng 46,2 kg/ngày, đây là loại chất thải rắn thông thường, không có yếu tố nguy hại (Mã chất thải: 18 11 01);

- Chất thải rắn là phân thải: lượng phân thải từ các chuồng nuôi khoảng 150 kg/ngày.

- Chất thải rắn là bùn từ Hệ thống xử lý nước thải: 107,5 tấn/năm.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt của 08 cán bộ công nhân viên khoảng 04 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại: bóng đèn vỡ, dầu nhớt thải...lượng không đáng kể, bố trí thùng đựng chuyên dụng 120L, lưu kho. Sau khi đủ khối lượng sẽ liên hệ

với đơn vị có đủ năng lực để thu gom và xử lý. Chứng từ về quản lý chất thải nguy hại sẽ tích hợp vào báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm nộp về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đúng quy định. Hiện nay, Chủ Cơ sở đã ký kết hợp đồng thu gom, xử lý chất thải nguy hại với Cơ sở đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế (theo Hợp đồng số 18/2026/317/GPMT-BTNMT ngày 06/01/2026).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

- Bao bì thức ăn được thu gom bán phế liệu;
- Chất thải rắn là phân thải: Phân sau khi được ép tại máy ép phân sẽ được ủ thủ công thành luống tại chỗ, được bổ sung nước vôi để tăng độ ẩm và pH, đậy kín để tạo môi trường và ngăn mùi, côn trùng phát tán.
- Chất thải rắn là bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Đối với bùn từ hầm biogas được định kỳ hút mỗi năm 01 lần, bùn từ hệ thống sinh học A-SBR được hút định kỳ 01 lần/tháng. Lượng bùn hút hên được đưa qua máy tách phân để tách như phân lợn thông thường sau đó đưa vào phối trộn và ủ chung với phân lợn và dùng để bón cho cây trồng trong khuôn viên Trang trại.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Công nhân bỏ rác đúng nơi quy định đồng thời tiến hành việc phân loại rác tại nguồn. Việc phân loại rác tại nguồn sẽ được tiến hành như sau:

- + Thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn và chứa đựng vào 02 thùng rác bằng nhựa loại 120L, sau đó đưa vào kho chứa có mái che.
- + Rác thải hữu cơ phát sinh từ hoạt động ăn uống của cán bộ công nhân viên Trang trại không quá nhiều, được thu gom và phân loại trực tiếp sau mỗi lần ăn ca, sau đó lượng rác này được các hộ dân quanh khu vực cơ sở thu gom làm thức cho gia súc hàng ngày.
- + Đối với các loại rác hữu cơ còn lại và rác thải vô cơ, Trang trại tiến hành hợp đồng với Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ hồ tiêu Cửa vận chuyển xử lý, tần suất 02 lần/tháng.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ

- Cơ sở thiết kế hệ thống PCCC về mặt kiến trúc, công trình xây dựng và các hạng mục cấp nước chữa cháy, chống sét theo đúng yêu cầu và quy định của Phòng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ tỉnh Quảng Trị quy định.
- Bố trí các vật liệu cứu hỏa, bao gồm bình CO₂. Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện cho việc sử dụng. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Đối với hầm biogas, lớp phủ của hầm biogas được làm bằng bạt HDPE dày 1mm (lớn hơn lớp lót đáy) chịu được áp lực rất tốt nhằm phòng ngừa khả năng nổ hầm biogas.

- Thiết kế hệ thống dẫn điện theo đúng quy định an toàn, thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện. Từ đó, giảm thiểu được sự cố cháy do chập điện, phóng điện xảy ra.

- Khi sự cố cháy nổ xảy ra, Chủ cơ sở cần phải thông báo kịp thời cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Trang trại biết, sử dụng các phương tiện chữa cháy đã được trang bị kịp thời dập tắt hoặc hạn chế đến mức thấp nhất đám cháy, liên lạc với phòng cảnh sát PCCC và y tế để ứng cứu tại chỗ và di dời công nhân ra khỏi vùng nguy hiểm.

2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố do tai nạn lao động có thể xảy ra đối với cán bộ, công nhân làm việc trong Trang trại một số biện pháp sau được thực hiện:

- Tổ chức tập huấn an toàn lao động cho toàn bộ công nhân sau khi được tuyển dụng để có phương án kịp thời ứng cứu nạn nhân khi có sự cố xảy ra;

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên như khẩu trang, găng tay, mũ, giày... đồng thời giám sát, nhắc nhở công nhân phải mang theo bảo hộ lao động khi làm việc;

- Thường xuyên và định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất 1 lần/năm theo Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/07/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc;

- Khi xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cán bộ công nhân viên đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.

3. Đối với sự cố do mưa bão

Để phòng chống các thiệt hại do sự cố sạt lở đất gây nên Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ sự ổn định của hố móng, thực hiện gia cố móng nếu thấy có nguy cơ xói xung quanh hố móng.

- Trước khi có bão lũ xảy ra, Chủ trang trại thông báo kịp thời và có những phương án ứng cứu các sự cố khác có thể xảy ra đồng thời như cháy nổ, sạt lở đất.

- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục trước và sau khi sự cố xảy ra.

4. Sự cố dịch bệnh

Chủ động trong khâu phòng ngừa dịch bệnh một cách nghiêm ngặt; Xây dựng hệ thống khử trùng ngay công vào, định kỳ phun tiêu độc khử trùng, rắc vôi,... quanh chuồng trại; bố trí khu cách ly lợn,...

Đối với chất thải nguy hại là xác lợn bị dịch bệnh chết hàng loạt, Chủ Cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp theo hướng dẫn của Công văn số 569/BNN-TY ngày 22/07/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc hướng dẫn bổ sung một số biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi và thực hiện theo QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT: về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật, đồng thời phối hợp với các Cơ quan chức năng của địa phương để xử lý tiêu hủy đúng quy định. Chủ cơ sở bố trí một diện tích đất trống khoảng 300 m² phía Đông Nam của Trang trại gần với hồ huỷ xác hiện tại để làm hồ chôn trong trường hợp lợn bị chết hàng loạt do dịch bệnh. Phần đất trống này đảm bảo các quy định về an toàn khoảng cách và thuận tiện cho việc máy móc di chuyển vào trong trường hợp khẩn cấp.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Quan trắc môi trường nước thải (theo đề xuất của Chủ Cơ sở):

- Số lượng quan trắc: 01 vị trí tại ống xả nước thải sau hồ sinh học tại thôn Phương An 2, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Tọa độ X = 1.850.344,89m; Y = 574.051,85m (Theo Hệ tọa độ VN2000. KTT 106⁰15'. múi chiếu 3⁰).

- Thông số quan trắc: vận tốc/lưu lượng thải, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N (tính theo N), Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B, Kf=1,3, Kq=0,9).

- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.